

I. Phần trắc nghiệm: (2,0 điểm)

Câu	1	2	3	4
Đáp án	B	C	A	D
Thang điểm	0,5	0,5	0,5	0,5

II. Phần tự luận:(8,0điểm)

Câu	ý	Nội dung	Điểm
5		Dân số đông và tăng nhanh đã gây ra những hậu quả là :	2,5
		*Dân số đông và tăng nhanh đã gây ra những hậu quả tới phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống :	1,0
		- Đối với kinh tế: tích lũy được ít, hạn chế việc đầu tư làm giảm tốc độ phát triển kinh tế.	0,5
		- Đối với xã hội: gây khó khăn cho giải quyết việc làm, phát triển văn hóa, y tế, giáo dục,... đời sống người dân chậm được nâng cao	0,5
		- Đối với môi trường: tăng cường khai thác tài nguyên làm cho tài nguyên nhanh chóng suy giảm và gây ô nhiễm môi trường.	0,5
6		Nêu những khó khăn trong sản xuất lương thực, thực phẩm ở vùng Đồng bằng sông Hồng:	2,5
		- Do dân số đông nên bình quân đất nông nghiệp trên đầu người thấp, nhiều nơi đất đã bị bạc màu	
		- Thời tiết diễn biến thất thường nhiều thiên tai,...	
		- Dân tập trung đông gây sức ép lớn với vấn đề sản xuất lương thực, thực phẩm. (Gv căn cứ vào bài làm của học sinh chia điểm cho các ý theo tổng điểm của câu hỏi)	
7	a	*Vẽ biểu đồ tròn: - Yêu cầu: vẽ đúng chính xác, có tên biểu đồ, chú giải, nếu sai hoặc thiếu mỗi yếu tố trừ 0,25 điểm	1,5
	b	*Nhận xét: - Cơ cấu lao động phân theo các khu vực kinh tế ở nước ta năm 2005 : + Lao động làm việc trong lĩnh vực nông – lâm – ngư nghiệp chiếm tỉ lệ cao nhất 57,2%, thứ 2 là dịch vụ chiếm 24,5% + Lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng chiếm tỉ lệ thấp nhất 18,3%.	1,5

		Tổng điểm toàn bài: 10,0	
--	--	---------------------------------	--

-----Hết-----

2. Đề thi HK1 môn Địa lý số 2

ĐỀ 2 TRƯỜNG THCS LONG BÌNH	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn ĐỊA LÝ LỚP 9 Thời gian: 45 phút
---------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------

I. Trắc nghiệm: (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất (mỗi câu đúng 0,25đ)

Câu 1. Người Việt sống chủ yếu ở

- A. Đồng bằng, trung du và duyên hải
- B. Vùng đồng bằng rộng lớn phì nhiêu
- C. Vùng trung du và đồi núi
- D. Vùng duyên hải

Câu 2. Cơ cấu lực lượng lao động ở nông thôn năm 2003 là

- A. 24,2%
- B. 75,8%
- C. 21,2%
- D. 78,8%

Câu 3. Các địa danh nổi tiếng: Phong Nha-Kẻ Bàng, cố đô Huế, Lăng Cô, Thiên Cẩm thuộc vùng kinh tế nào?

- A. Đồng bằng sông Hồng
- B. Bắc Trung Bộ
- C. Tây Nguyên
- D. Trung du- miền núi Bắc Bộ

Câu 4. Ngành công nghiệp trọng điểm có tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp năm 2002 ở nước ta là

- A. Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm
- B. Công nghiệp khai thác nhiên liệu
- C. Công nghiệp dệt may
- D. Công nghiệp điện

Câu 5. Năm 2002, cả nước có diện tích đất nông nghiệp 9406,8 nghìn ha và dân số là 79,7 triệu người. Vậy bình quân đất nông nghiệp theo đầu người của nước ta (ha/người) là bao nhiêu ?

- A. 118
- B. 11,8
- C. 1,18
- D. 0,118

Câu 6. Các ngành công nghiệp trọng điểm nước ta phát triển dựa trên cơ sở

- A. Tài nguyên, lao động
- B. Khoa học công nghệ cao
- C. Thị trường
- D. Tất cả ý trên

Câu 7. Chỉ tiêu đặc trưng đánh giá sự phát triển bưu chính viễn thông là

- A. Thuê bao Internet
- B. Mật độ điện thoại
- C. Chuyển phát nhanh
- D. Các trang WEB

Câu 8. Vụ đông trở thành vụ sản xuất chính ở một số địa phương của vùng nào ?

- A. Đồng bằng sông Hồng
- B. Bắc Trung Bộ
- C. Trung du và miền núi Bắc bộ
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ

Câu 9. Dịch vụ nào có vai trò tạo ra mối liên hệ giữa các ngành sản xuất rõ nhất ?

- A. Tài chính ,tín dụng
- B. Du lịch nhà hàng
- C. Sửa chữa, bảo trì
- D. Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông

Câu 10. Tài nguyên khoáng sản kim loại là nguyên liệu để phát triển các ngành công nghiệp nào?

- A. Năng lượng, hoá chất
- B. Luyện kim đen, luyện kim màu
- C. Vật liệu xây dựng
- D. Chế biến nông,lâm,thuỷ sản

Câu 11. Để phục vụ cho giao thông vận tải đường biển, nước ta xây dựng các hải cảng lớn nhất là

- A. Hải Phòng, Vinh, Nha Trang
- B. Đà Nẵng, Quy Nhơn, Cam Ranh

- C. Sài Gòn, Vinh, Cam Ranh
- D. Hải Phòng, Đà Nẵng, Sài Gòn

Câu 12. Đối tượng nào sau đây không thuộc loại tài nguyên du lịch tự nhiên

- A. Phong cảnh
- B. Công trình kiến trúc
- C. Bãi tắm
- D. Vườn quốc gia

Câu 13. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên nước ta năm 1999 là bao nhiêu ? (biết tỉ lệ sinh là 19,9‰ ,tỉ lệ tử là 5,6 ‰)

- A. 14,3‰
- B. 1,43‰
- C. 25,5‰
- D. 2,55‰

Câu 14. Vùng nào sau đây có mật độ dân số thấp nhất nước ta ?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long
- B. Tây Nguyên
- C. Trung du và miền núi Bắc bộ
- D. Đông Nam Bộ

Câu 15. Ngành công nghiệp khai khoáng và thủy điện phát triển nhất nước ta ở vùng

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ
- B. Bắc Trung Bộ
- C. Tây Nguyên
- D. Đông Nam Bộ

Câu 16. Cơ cấu sử dụng lao động theo ngành ở nước ta đang chuyển dịch theo hướng

- A. Tỷ lệ lao động nông nghiệp tăng , công nghiệp, dịch vụ giảm
- B. Tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm, công nghiệp, dịch vụ tăng
- C. Tỷ lệ lao động nông nghiệp và công nghiệp tăng, dịch vụ giảm
- D. Tỷ lệ lao động nông nghiệp và công nghiệp giảm, dịch vụ tăng

II. Tự luận : (6 điểm)

Câu 1. Tại sao giải quyết việc làm đang là vấn đề gay gắt ở nước ta? Hướng giải quyết. (1điểm)

Câu 2. Dựa vào bảng số liệu sau:

Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản theo các tỉnh, năm 2002 (đơn vị : %)

Các tỉnh, thành phố	Đà Nẵng	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định	Phú Yên	Khánh Hòa	Ninh Thuận	Bình Thuận
Diện tích (nghìn ha)	0,8	5,6	1,3	4,1	2,7	6,0	1,5	1,9

a) Vẽ biểu đồ cột thể hiện diện tích nuôi trồng thủy sản ở các tỉnh, thành phố của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2002. (2điểm)

b) Nhận xét. (1 điểm)

Câu 3. Hãy cho biết vai trò của dịch vụ trong sản xuất và đời sống. Tại sao dịch vụ ở nước ta phân bố không đều ? (1,0điểm)

Câu 4. Trình bày về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ? (1,0điểm)

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm: (4 điểm)

1A; 2B; 3B; 4A; 5D

6D; 7B; 8A; 9D; 10B; 11D

12B; 13B; 14B; 15A; 16B

II. Tự luận: (6 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm)

- Nguồn lao động
- Phân bố lại dân cư và nguồn lao động giữa các vùng
- Thực hiện đa dạng hóa các hoạt động sản xuất ở nông thôn
- Mở rộng đa dạng các loại hình đào tạo hướng nghiệp dạy nghề.
- Có chính sách xuất khẩu lao động hợp lý.

Câu 2 (3,0 điểm).

- Vẽ đúng biểu đồ (2,0 điểm)
- Nhận xét đúng (1,0 điểm)

3. Đề thi HK1 môn Địa lý số 3

ĐỀ 3 TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn ĐỊA LÝ LỚP 9 Thời gian: 45 phút
-----------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------

I. Phần trắc nghiệm (3,0 điểm).**Câu 1: Ghi vào giấy thi chữ cái ở đầu ý của câu trả lời đúng:**

1. Tỉnh nào sau đây không nằm trong vùng đồng bằng sông Hồng? _____

- A. Thái Nguyên B. Bắc Ninh C. Vĩnh Phúc D. Nam Định

2. Hai trung tâm kinh tế lớn nhất đồng bằng sông Hồng hiện là:

- A. Hà Nội – Hải Dương B. Hà Nội – Hải Phòng
C. Hải Phòng – Nam Định D. Hà Nội – Hà Tây

3. Ranh giới tự nhiên giữa hai vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ là:

- A. Dãy Bạch Mã B. Dãy Tam Điệp C. Dãy Hoành Sơn D. Dãy Kẻ Bàng

4. Ngành công nghiệp nào sau đây không thuộc nhóm ngành chế biến lương thực thực phẩm:

- A. Chế biến sản phẩm trồng trọt B. Chế biến sản phẩm chăn nuôi
C. Chế biến sản phẩm lâm sản D. Chế biến sản phẩm thủy sản

Câu 2: Lựa chọn từ hoặc cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống:

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ bao gồm 2 tiểu vùng. Tiểu vùng Đông Bắc có địa hình núi trung bình và núi thấp, hướng...(1)...khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có...(2)...Tiểu vùng Tây Bắc có địa hình ...(3)... khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông...(4)...

II. Phần tự luận (7,0 điểm)**Câu 1 (3,0 điểm):**

Cho biết xu hướng thay đổi cơ cấu lao động theo ngành ở nước ta và giải thích nguyên nhân của sự thay đổi đó.

Câu 2 (4,0 điểm): Cho bảng số liệu sau:**Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành (Đơn vị: %)**

Nghành	1990	1995	2000	2003	2005
Trồng trọt	79,3	78,1	78,2	75,4	73,5
Chăn nuôi	17,9	18,9	19,3	22,2	24,7
Dịch vụ nông nghiệp	2,8	3,0	2,5	2,2	1,8

- a. Vẽ biểu đồ thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành giai đoạn 1990 – 2005.
b. Nhận xét.

-----Hết-----

*Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.***HƯỚNG DẪN CHẤM**

I. Phần trắc nghiệm (3 điểm).**Câu 1: (2 điểm):** Mỗi đáp án đúng 0,5 điểm

1	2	3	4
A	B	A	C

Câu 2: (1 điểm): Học sinh điền đúng như sau:

(1): vòng cung (2): mùa đông lạnh (3): núi cao (4): ít lạnh hơn

II. Phần tự luận(7 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (3,0 điểm)	Cơ cấu lao động theo ngành của nước ta đang có sự chuyển dịch theo hướng tích cực:	0,5
	+ Tỷ lệ lao động trong ngành nông- lâm- thủy sản đang có xu hướng giảm (dc)	1,0
	+ Tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ có xu hướng tăng (dc)	0,5
	- Tuy nhiên sự chuyển dịch đó còn chậm, tỉ lệ lao động trong ngành nông- lâm- thủy sản vẫn còn cao.	0,5
	*Nguyên nhân: - Do tác động của quá trình công nghiệp hóa- hiện đại hóa - Do nước ta vẫn là một nước nông nghiệp, phần lớn dân cư sống ở nông thôn với hoạt động kinh tế nông- lâm- thủy sản là chủ yếu, trình độ cơ giới hóa chưa cao.	0,5
Câu 2 a. (4,0 điểm)	Vẽ biểu đồ: Vẽ biểu đồ miền Cách vẽ khoa học. Vẽ đẹp, chú giải hợp lí.	1,5
	b. Nhận xét: Cơ cấu giá trị sản xuất có sự thay đổi theo chiều hướng giảm dần tỉ trọng của ngành trồng trọt, tăng dần tỉ trọng của ngành chăn nuôi, tuy còn chậm.	0,5
	Tỉ trọng của ngành trồng trọt giảm từ 79,3% năm 1990 còn 73,5% năm 2005. Tỉ trọng ngành chăn nuôi tăng tương ứng từ 17,9% lên 24,7%.	0,5
	Tỉ trọng ngành dịch vụ tương ứng 2,8% còn 1,8%.	0,5
		0,5
		0,5

4. Đề thi HK1 môn Địa lý số 4

ĐỀ 4	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
-------------	-----------------------------

TRƯỜNG THCS TRƯỜNG SA

Môn ĐỊA LÍ LỚP 9
Thời gian: 45 phút

I: Trắc nghiệm: (4,0 điểm). Chọn câu trả lời đúng nhất.

Câu 1. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta là?

- A. Giảm tỉ trọng ngành nông, lâm, ngư nghiệp và dịch vụ.
- B. Tăng tỉ trọng ngành công nghiệp-xây dựng và dịch vụ.
- C. Giảm tỉ trọng ngành công nghiệp-xây dựng và tăng tỉ trọng ngành nông, lâm, ngư nghiệp.
- D. Giảm tỉ trọng ngành nông, lâm, ngư nghiệp và tăng tỉ trọng ngành công nghiệp-xây dựng, dịch vụ.

Câu 2. Trong số các vùng sau, vùng nào có mật độ dân số thấp nhất?

- A. Đồng bằng Sông Hồng.
- B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Duyên hải Miền Trung.

Câu 3. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta giảm nhưng số dân vẫn tăng nhanh là do?

- A. Quy mô dân số lớn, số người trong độ tuổi sinh đẻ cao.
- B. Chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình của nhà nước.
- C. Số người nước ngoài đến nước ta nhập cư ngày càng đông.
- D. Số khách du lịch đến nước ta ngày càng nhiều.

Câu 4. Trong giá trị cơ cấu xuất khẩu nước ta, chiếm tỉ trọng cao nhất thuộc nhóm hàng?

- A. Hàng máy móc và thiết bị.
- B. Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.
- C. Hàng nông, lâm, thủy sản.
- D. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản.

Câu 5. Các tỉnh, thành phố nào sau đây không thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.
- B. Hà Tĩnh, Quảng Bình.
- C. Thanh Hóa, Nghệ An.
- D. Quảng nam, Đà Nẵng.

Câu 6. Cây công nghiệp lâu năm: Cao su, hồ tiêu và điều trồng nhiều nhất ở vùng?

- A. Tây Nguyên.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 7: Ý nào sau đây *không* thuộc mặt mạnh của nguồn lao động nước ta?

- A. Tỉ lệ lao động có trình độ chuyên cao đông đảo.
- B. Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.
- C. Lực lượng lao động dồi dào.
- D. Có khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật cao.

Câu 8: Tam giác kinh tế mạnh cho vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là:

- A.** Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh. **B.** Hà Nội, Hải Dương, Hạ Long (Quảng Ninh).
C. Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long (Quảng Ninh). **D.** Hà Nội, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc.

II : Tự luận: (6,0 điểm)

Câu 1:(3,0 điểm). Điều kiện tự nhiên ở Bắc Trung Bộ có những thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế- xã hội của vùng?

Câu 2: (3,0 điểm). Dựa vào bảng số liệu sau: Đơn vị : %

Năm	1995	1998	2000	2002
Tiêu chí				
Dân số	100	103.5	105.6	108.2
Sản lượng lương thực	100	117.7	128.6	131.1
Bình quân lương thực	100	113.8	121.8	121.2

a. Hãy vẽ biểu đồ đường biểu hiện mối quan hệ giữa dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của ĐBSH?

b. Qua biểu đồ phân tích ảnh hưởng của việc giảm dân số tới bình quân lương thực theo đầu người ở ĐBSH?

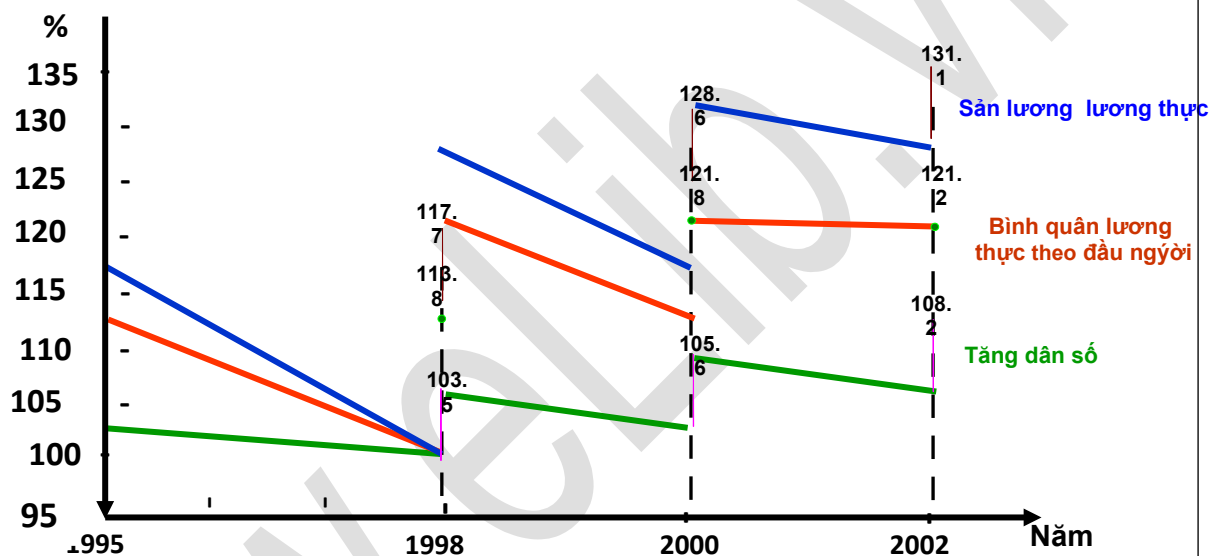
ĐÁP ÁN

Câu	ĐÁP ÁN - HƯỚNG DẪN CHẤM								
I. Trắc nghiệm									
	Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
	Đáp án	D	B	A	C	D	B	A	C
(Mỗi câu đúng được 0,5 đ)									
II. Tự luận.									
1 (3,0 đ)	<p>a) Thuận lợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Vị trí lãnh thổ của vùng Bắc Trung Bộ được coi là cầu nối của các vùng lãnh thổ phía bắc và phía nam đất nước Phía tây và giáp Lào, phía đông là vùng biển giàu tiềm năng, đặc điểm vị trí giúp cho vùng mở rộng quan hệ với các vùng trong nước, với Lào, đa dạng các ngành kinh tế biển * Tài nguyên thiên nhiên 								

- Khoáng sản phong phú: quặng sắt, thiếc, đá vôi...
- Đất đai: dải đất ven biển cho phép sản xuất lương thực, thực phẩm, vùng đồi đất feralit thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp
- Rừng khá phong phú, tỉ lệ đất lâm nghiệp có rừng cao
- Đường bờ biển dài, vùng biển rộng giàu tiềm năng, bãi cá tôm, cảng biển, nghề làm muối...
- b) Khó khăn
- Vùng nằm trong khu vực có nhiều thiên tai thường xảy ra như bão, lũ, hạn hán, cát lún, gió Lào
- Địa hình có độ dốc lớn, đồng bằng nhỏ hẹp

2
(3,0 đ)

a. Vẽ biểu đồ đúng, đủ, đẹp (2 điểm)



Biểu đồ tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực, bình quân lương thực theo đầu người ở Đồng bằng sông Hồng qua các năm 1995 - 2002

b. Nhận xét (1 điểm) Ảnh hưởng của việc giảm gia tăng dân số tới BQLT/người ở ĐBSH:

- + Giảm gia tăng dân số sẽ giảm sức ép đến vấn đề sử dụng đất nông nghiệp ở ĐBSH góp phần tăng được sản lượng lương thực
- + Giảm gia tăng dân số góp phần nâng cao bình quân lương thực theo đầu người

5. Đề thi HK1 môn Địa lý số 5

<p>ĐỀ 5 TRƯỜNG THCS THỐNG NHẤT</p>	<p>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn ĐỊA LÝ LỚP 9 Thời gian: 45 phút</p>
------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------

A-TRẮC NGHIỆM (4đ)

I. Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu đáp án đúng nhất. (1đ)

1. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có:

A – 11 Tỉnh.

B – 13 Tỉnh.

C - 15 Tỉnh.

D - 16 Tỉnh.

2. Đông Bắc là vùng chủ yếu có dạng địa hình là:

A – Núi cao.

B – Núi thấp.

C – Đồng bằng.

D – Bờ biển.

3. Than đá phân bố chủ yếu ở vùng:

A – Đông Bắc.

B- Tây Bắc.

C – Bắc Trung Bộ.

D – Nam Trung Bộ.

4. Thế mạnh kinh tế của vùng Tây Bắc là :

A – Trồng lúa.

B – Nuôi gà.

C - Trồng hoa.

D – Phát triển thủy điện.

II. Hãy điền từ thích hợp vào chỗ trống(1đ)

(cao, địa bàn, thấp, kinh, ruộng, thái, dao, trung bình)

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là.....cư trú của các dân tộc:..... Dân cư có mức sống.....so vớicủa cả nước.

III. Hãy viết chữ s vào ô trống của câu sai và đ vào ô trống của câu đúng.(1đ)

1. Vùng Trung du có đồi xen kẽ với cánh đồng

2. Vùng Tây Bắc có khí hậu hàn đới

3. Vùng Tây Bắc chủ yếu là núi Trung bình

4. Dân số của Đông Bắc nhiều hơn Tây Bắc

IV. Hãy nối các ý ở cột A với các ý ở cột B sao cho phù hợp?(1đ)

Cột A	Cột B
1/ Sông Hồng có giá Trị về.	a/ Thâm canh lúa nước
2/ Khí hậu ở đồng bằng Sông Hồng thích hợp trồng cây	b/ Nhiệt đới, cận nhiệt, ôn đới
3/Tài nguyên đất ở đồng bằng sông Hồng có các loại đất	c/ Phù sa, feralit, đất xám
4/ Đất phù sa sông Hồng thuận lợi cho	d/ Thủy sản, sinh hoạt, sản xuất

B. TỰ LUẬN (6đ)

Câu 1: Trình bày đặc điểm dân cư của vùng Bắc Trung Bộ (2đ)

Câu 2 : Chứng minh rằng vùng đồng bằng Sông Hồng có điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch ? (2đ)

Câu 3 : Dựa vào bảng số liệu hãy vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng dân số và sản lượng lương thực ở đồng bằng Sông Hồng, nêu nhận xét? đơn vị tính % (2đ)

Năm	1995	1998	2000	2002
Dân số	100,0	103,5	105,6	108,2
Sản lượng lương thực	100,0	117,7	128,6	131,1

ĐÁP ÁN

A. Trắc Nghiệm(4đ)

Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm

I. Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu đáp án đúng nhất.

1 – C 2 – B 3 – A 4 – D

II. Hãy điền từ thích hợp vào chỗ trống:

1 – Địa bàn 2 – Kinh, mường, thái, dao 3 – thấp 4 Trung bình

III. Hãy viết chữ s vào ô trống của câu sai và đ vào ô trống của câu đúng.

1 – Đ 2 – S 3 – S 4 – Đ

IV. Hãy nối các ý ở cột A với cột B sao cho phù hợp.

1- d

2- b

3- c

4- a

B. Tự luận (6đ)

Câu 1: Đặc điểm dân cư vùng Bắc Trung Bộ:

-Vùng Bắc Trung Bộ có số dân 10.3 triệu người (chiếm 12.9 % dân số cả nước, năm 2002) (0.5đ)

- Là địa bàn cư trú của 25 dân tộc. (0.5đ)

Có sự khác biệt trong cư trú và hoạt động kinh tế giữa phía Đông và phía Tây của vùng: phía Đông chủ yếu là địa bàn cư trú của người kinh, còn phía Tây lại là địa bàn cư trú của các dân tộc ít người (1đ)

Câu 2:

Đồng bằng Sông Hồng có tiềm năng du lịch phong phú:(0.5đ)

- có nhiều cảnh đẹp: chùa Hương, Tam Cốc Bích động, chùa Bái Đính...(0.25đ)

- có các vườn quốc gia: Cúc phương, Xuân thủy, Ba vì...(0.25đ)

- có các di tích lịch sử: lăng Bác Hồ, cố đô Hoa Lư...(0.25đ)

- có nhiều bãi tắm đẹp: Đồ sơn, đảo Cát Bà (0.25đ)

Với những tiềm năng du lịch nêu trên tạo rất nhiều thuận lợi trong phát triển du lịch ở Đồng bằng Sông Hồng(0.5đ)

Câu 3:

- học sinh vẽ biểu đồ dạng đường biểu diễn:
 - + chia đúng tỉ lệ, vẽ được trục tung và trục hoành (1đ)
 - + vẽ đúng đường biểu diễn (0.5đ)
 - + Đặt tên, ghi chú thích cho biểu đồ(0.5đ)

6. Đề thi HK1 môn Địa lý số 6

ĐỀ 6 TRƯỜNG THCS TÂN HÒA	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn ĐỊA LÝ LỚP 9 Thời gian: 45 phút
-------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------

Câu 1: Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu ý em cho là đúng: (1điểm)

1. Điều kiện để công nghiệp năng lượng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có thể phát triển mạnh là

- | | |
|--------------------------------------------|----------------------------|
| a. nguồn thủy năng và than đá phong phú | b. là nghề truyền thống |
| c. cơ sở vật chất kỹ thuật đầu tư hiện đại | d. gần đồng bằng sông Hồng |

2. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ dẫn đầu cả nước về

- | | |
|-------------|----------------|
| a. đàn bò | b. đàn lợn |
| c. đàn trâu | d. đàn gia cầm |

3. Nhà máy thủy điện Hòa Bình được xây dựng trên sông

- | | |
|--------------|-------------|
| a. sông Hồng | b. sông Đà |
| c. sông Lô | d. sông Gâm |

4. Danh lam thắng cảnh nổi tiếng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới

- | | |
|-----------------|------------|
| a. hồ Ba Bể | b. Sa Pa |
| c. Vịnh Hạ Long | d. Tam Đảo |

Câu 2: Nối mỗi ý ở cột A với một ý ở cột B sao cho phù hợp (1điểm)

<i>Di tích lịch sử (A)</i>	<i>Phân bố(B)</i>	<i>Nối ý cột(A) với ý cột (B)</i>
1. Hang Pắc Pó	a. Cao Bằng	1 +

2. Đền Hùng	b. Hà Giang	2 +
3. Chiến khu Tân Trào	c. Thái Nguyên	3 +
4. Cột cờ Lũng Cú	d. Tuyên Quang	4 +
	e. Phú Thọ	

Câu 3: Dựa vào các cụm từ trong ngoặc (cần cù, Cố đô Huế, ngoại xâm, phố cổ Hội An, dân tộc), hãy điền vào chỗ chấm (...) sao cho phù hợp về đặc điểm dân cư xã hội của vùng kinh tế Bắc Trung Bộ

Bắc Trung Bộ là địa bàn cư trú của 25 Người dân có truyền thống lao động, dũng cảm, giàu nghị lực trong đấu tranh với thiên tai và chống Vùng có nhiều di tích lịch sử, văn hóa. là di sản văn hóa thế giới đã được UNESCO công nhận.

II / Tự Luận: (7 điểm)

Câu 1. Sông Hồng có ý nghĩa như thế nào đối với phát triển nông nghiệp và đời sống của người dân vùng Đồng bằng sông Hồng? (1 điểm)

Câu 2. Dựa vào Át lát địa lí Việt Nam, kể tên các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ theo thứ tự từ Bắc vào Nam? (1 điểm)

Câu 3. Điều kiện tự nhiên ở Bắc Trung Bộ có những thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng? (2 điểm)

Câu 4: Dựa vào bảng số liệu sau:

Cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Hồng (đơn vị %)

Các ngành	1995	2002
Nông-lâm ngư nghiệp	30.7%	20.1%
Công nghiệp-xây dựng	26.6%	36%
Dịch vụ	42.7%	43.9%

a. Hãy vẽ biểu đồ hình tròn về cơ cấu kinh tế của vùng đồng bằng sông Hồng ? (2điểm)

b. Rút ra nhận xét ? (1 điểm)

(Học sinh được sử dụng Át lát địa lí Việt Nam- nhà xuất bản giáo dục)

ĐÁP ÁN

I.Trắc nghiệm: (3 điểm)

* Mỗi ý đúng: 0,25đ

Câu	1	2	3	4
Câu 1	a	c	B	c
Câu 2	a	e	D	b
Câu 3	Dân tộc, cần cù, ngoại xâm, cố đô Huế			

II. Tự Luận

Nội dung	Điểm
Câu 1: Ý nghĩa sông Hồng đối với:	1đ
* Sản xuất nông nghiệp:	
- Cung cấp phù sa và nước tưới cho cây trồng	0.25đ
- Là địa bàn để đánh bắt cá và nuôi trồng thủy sản	0.25đ
* Đòi sống: đồng bằng sông Hồng là cái nôi của nền văn minh cổ xưa, từ xa xưa người dân tập trung đông đúc dọc theo 2 bên bờ sông	0.5đ
Câu 2: Tên các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ theo thứ tự từ Bắc vào Nam:	1đ
- Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên- Huế	
Câu 3: Điều kiện tự nhiên ở Bắc Trung Bộ có những thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng:	2đ
* Thuận lợi: - Khoáng sản tương đối nhiều về số lượng: thiếc, sắt, ti tan...	0.5đ
- Rừng khá phong phú diện tích che phủ	0.25đ
- Du lịch: nhiều bãi tắm đẹp Lăng Cô, Sầm Sơn, Cửa Lò...	0.5đ
- Biển: đường bờ biển dài, vùng biển rộng giàu thủy sản...	0.25đ
* Khó khăn: Thiên tai thường xuyên xảy ra: bão, lũ, hạn hán, gió tây khô nóng, cát bay...	0.5đ
Câu 3. Vẽ biểu đồ	3đ
*Yêu cầu:	
- Vẽ đúng, chính xác, đẹp	
- Có tên biểu đồ	1.5đ
- Có chú thích	0.25đ
*Nhận xét:	0.25đ
- Giảm tỷ trọng ngành nông-lâm-ngư nghiệp, tăng tỷ trọng dịch vụ, đặc biệt tăng tỷ trọng công nghiệp	1đ
- Phản ánh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra mạnh mẽ.	0.5đ

7. Đề thi HK1 môn Địa lý số 7

ĐỀ 7 TRƯỜNG THCS NGUYỄN BÌNH KHIÊM	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn ĐỊA LÝ LỚP 9 Thời gian: 45 phút
-----------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------

Câu 1: Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu ý em cho là đúng: (1 điểm)

1. Ngành công nghiệp đóng vai trò quan trọng của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- a. khai khoáng, năng lượng b. khai khoáng, cơ khí
 c. hóa chất, vật liệu xây dựng d. luyện kim, thủy điện

2. So với cả nước Trung du và miền núi Bắc Bộ dẫn đầu về diện tích và sản lượng cây

- a. cà phê b. cao su
 c. chè d. lúa

3. Vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên thế giới thuộc tỉnh

- a. Quảng Ninh b. Quảng Nam
 c. Quảng Ngãi d. Quảng Bình

4. Cây hồi là loại cây dược liệu quý hiếm rất có giá trị phân bố chủ yếu ở tỉnh

- a. Quảng Ninh b. Lai Châu
 c. Phú Thọ d. Lạng Sơn

Câu 2: Nối mỗi ý ở cột A với một ý ở cột B sao cho phù hợp

Danh lam thắng cảnh (A)	Phân bố (B)	Nối cột(A) với cột (B)
1. Sa Pa	a. Lào Cai	1 +
2. Hồ Ba Bể	b. Quảng Ninh	2 +
3. Vịnh Hạ Long	c. Tuyên Quang	3 +
4. Tam Đảo	d. Vĩnh Phúc	4 +
	e. Bắc Kạn	

Câu 3: Dựa vào các cụm từ trong ngoặc (thiên tai, Phố cổ Hội An, Cố đô Huế, kiên cường, bảo vệ Tổ quốc), hãy điền vào chỗ chấm (...) sao cho phù hợp về đặc điểm dân cư, xã hội của vùng kinh tế Duyên hải Nam Trung Bộ:

Người dân ở đây có đức tính cần cù lao động,đấu tranh chống ngoại xâm,, giàu kinh nghiệm trong phòng chống và khai thác vùng nước rộng lớn trên biển Đông. Vùng có nhiều di tích văn hóa lịch sử. Trong đó, và thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam) được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới.

II / Tự Luận: (7 điểm)

Câu 1. Sản xuất lương thực ở vùng Đồng bằng sông Hồng có tầm quan trọng như thế nào? (1 điểm)

Câu 2. Dựa vào Át lát địa lí Việt Nam, kể tên các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ theo thứ tự từ Bắc vào Nam? (1 điểm)

Câu 3. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đã khai thác tiềm năng kinh tế biển như thế nào? (2 điểm)

Câu 4. Dựa vào bảng số liệu sau:

Tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở Đồng bằng sông Hồng (%)

Năm	1995	1998	2000	2002
Tiêu chí (%)				
Dân số	100,0	103,5	105,6	108,2
Sản lượng lương thực	100,0	117,7	128,6	131,1
Bình quân lương thực theo đầu người	100,0	113,8	121,8	121,2

a) Hãy vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở Đồng bằng sông Hồng. (2 điểm)

b) Dựa vào biểu đồ đã vẽ, nêu nhận xét về tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở Đồng bằng sông Hồng. (1 điểm)

(Học sinh được sử dụng Át lát địa lí Việt Nam- nhà xuất bản giáo dục)

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm: (3 điểm)

* Mỗi ý đúng: 0,25đ

Câu	1	2	3	4
Câu 1	a	c	a	d
Câu 2	a	e	b	d
Câu 3	kiên cường, bảo vệ Tổ quốc, thiên tai, phố cổ Hội An			

II. Tự Luận

Nội dung	Điểm
Câu 1: Tầm quan trọng của SXLT ở Đồng bằng sông Hồng	1đ
- Cung cấp lương thực cho nhân dân	0.25đ
- Giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống	0.25đ
- Tạo ra nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến	0.25đ
- Góp phần đẩy nhanh sự nghiệp CNH-HĐH kinh tế xã hội của vùng	0.25đ
Câu 2: Tên các tỉnh, thành phố trực thuộc vùng Duyên hải Trung Bộ theo thứ tự từ Bắc vào Nam:	1đ
- Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận	
Câu 3: Duyên hải Nam Trung Bộ đã khai thác tiềm năng kinh tế biển:	2đ
- Nghề cá: đánh bắt cá ở các ngư trường lớn (ví dụ), có nhiều vũng, vịnh, đảo để nuôi trồng thủy hải sản	0.5đ
- Du lịch biển: nhiều bãi biển đẹp: Mỹ Khê, Vân Phong, Mũi Né và trung tâm du lịch biển nổi tiếng: Đà Nẵng, Nha Trang	0.5đ
- Dịch vụ hàng hải: thuận lợi xây dựng cảng nước sâu, có nhiều cảng tổng hợp: Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang.	0.5đ
- Làm muối: Cà Ná, Sa Huỳnh, chế biến hải sản (nước mắm), khai thác dầu khí	0.5đ
Câu 3. Vẽ biểu đồ	0.5đ
* Yêu cầu:	
- Vẽ đúng, chính xác, đẹp	3đ
- Có tên biểu đồ	2đ
- Có chú thích	1.5đ
*Nhận xét:	0.25đ
+ Thời kì 1990-2011 cả diện tích năng suất, sản lượng lúa đều tăng (dẫn chứng)	0.25đ
+ Tốc độ tăng trưởng diện tích, sản lượng, năng suất lúa không đều: tăng nhanh nhất là sản lượng lúa, diện tích tăng chậm	1đ
	0.5đ
	0.5đ

8. Đề thi HK1 môn Địa lý số 8

ĐỀ 8 TRƯỜNG THCS TRẦN DÀI	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn ĐỊA LÝ LỚP 9 Thời gian: 45 phút
--------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------

Câu 1 (3,00 điểm):

Cho bảng số liệu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây ở nước ta (đơn vị: nghìn ha)

Các nhóm cây	Năm 1990	Năm 2012
Tổng số	9040,0	14526,6
Cây lương thực	6474,6	8918,9
Cây công nghiệp	1199,3	2952,7
Cây ăn quả, cây khác	1366,1	2655,0

a) Lập bảng số liệu thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây.

b) Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2012.

Câu 2 (2,0 điểm):

Phân tích các nhân tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp ở nước ta.

Câu 2 (2,0 điểm):

Phân tích những điều kiện tự nhiên để phát triển các ngành kinh tế biển miền Trung (Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ).

Câu 4 (3,0 điểm):

Phân tích những thuận lợi của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên (*địa hình; khí hậu; sông ngòi; đất; khoáng sản; rừng*) đối với phát triển kinh tế của vùng Tây Nguyên.

ĐÁP ÁN

	Nội dung cần đạt	Điểm															
1		3,0															
	<p>a) Bảng thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây (đơn vị: %)</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Các nhóm cây</th> <th>Năm 1990</th> <th>Năm 2012</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cây lương thực</td> <td>71,6</td> <td>61,4</td> </tr> <tr> <td>Cây công nghiệp</td> <td>13,3</td> <td>20,3</td> </tr> <tr> <td>Cây ăn quả, cây khác</td> <td>15,1</td> <td>18,3</td> </tr> <tr> <td>Tổng số</td> <td>100</td> <td>100</td> </tr> </tbody> </table>	Các nhóm cây	Năm 1990	Năm 2012	Cây lương thực	71,6	61,4	Cây công nghiệp	13,3	20,3	Cây ăn quả, cây khác	15,1	18,3	Tổng số	100	100	1,0
Các nhóm cây	Năm 1990	Năm 2012															
Cây lương thực	71,6	61,4															
Cây công nghiệp	13,3	20,3															
Cây ăn quả, cây khác	15,1	18,3															
Tổng số	100	100															
	<p>b) Vẽ biểu đồ:</p> <p>- Vẽ biểu đồ hình tròn (vẽ biểu đồ khác không cho điểm).</p>	2,0															

	<p><i>Yêu cầu: vẽ hai hình tròn, chính xác tỉ lệ, bán kính, ghi % trong biểu đồ, tên biểu đồ, chú thích, sạch đẹp.</i></p> <p><i>(Thiếu một trong những yêu cầu nói trên mỗi lỗi trừ 0,5đ).</i></p>	
2		2,0
	<ul style="list-style-type: none"> - Dân cư và lao động nông thôn: chiếm tỉ lệ cao, nhiều kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp. 0,5 - Cơ sở vật chất – kĩ thuật: ngày càng hoàn thiện. 0,5 - Chính sách phát triển nông nghiệp: nhiều chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp. 0,5 - Thị trường trong và ngoài nước: ngày càng mở rộng. 0,5 	
3		2,0
	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản: có đường bờ biển dài, nhiều đầm phá, ngư trường lớn, khí hậu thuận lợi. 0,5 - Giao thông vận tải biển: có nhiều vịnh để xây cảng, gần đường hàng hải quốc tế. 0,5 - Sản xuất muối: độ mặn của nước biển và số giờ nắng trong năm cao. 0,5 - Du lịch biển đảo: có nhiều bãi tắm đẹp, đảo đẹp. 0,5 <p><i>(HS nêu được các ngành kinh tế biển thì được 50% số điểm)</i></p>	
4		3,00
	<ul style="list-style-type: none"> - Địa hình: gồm nhiều cao nguyên Bazan xếp tầng → Trồng cây công nghiệp, trồng rừng, du lịch. 0,5 - Khí hậu: nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, phân hóa theo độ cao → Trồng cây công nghiệp, du lịch. 0,5 - Sông ngòi: nơi bắt nguồn của nhiều sông có độ dốc lớn → Phát triển thủy điện. 0,5 - Đất: đất bazan diện tích lớn nhất cả nước → Trồng cây công nghiệp. 0,5 - Khoáng sản: bôxít trữ lượng lớn → Phát triển công nghiệp khai khoáng. 0,5 - Rừng: còn khá nhiều → Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản. 0,5 <p><i>(Tùy theo hướng làm của học sinh có ý đúng thì ghi điểm sao cho phù hợp)</i></p>	0,5

9. Đề thi HK1 môn Địa lý số 9

<p>ĐỀ 9</p> <p>TRƯỜNG THCS QUANG VINH</p>	<p>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I</p> <p>Môn ĐỊA LÝ LỚP 9</p> <p>Thời gian: 45 phút</p>
---------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------

A/ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (5,0 điểm)

Câu 1. Nét văn hóa riêng của mỗi dân tộc ở nước ta được thể hiện qua

- A- tỉ lệ biết chữ, chất lượng cuộc sống.
- B- ngôn ngữ, trang phục, tập quán.
- C- trình độ, số dân, cơ cấu dân số.
- D- lịch sử phát triển, lễ hội truyền thống.

Câu 2. Người Tày và người Nùng cư trú chủ yếu ở

- A- Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- B- Đồng bằng sông Hồng.
- C- Tây Nguyên.
- D- Bắc Trung Bộ.

Câu 3. Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến khó khăn trong vấn đề giải quyết việc làm ở nước ta hiện nay?

- A- nguồn lao động nước ta dồi dào.
- B- kinh tế nước ta phát triển với tốc độ chậm.
- C- mỗi năm nước ta có thêm hơn 1 triệu lao động.
- D- tốc độ tăng dân số và tốc độ phát triển kinh tế chưa đồng bộ.

Câu 4. Tỷ lệ nhóm tuổi từ 0 đến 14 tuổi ở nước ta trong những năm gần đây có xu hướng giảm là do

- A- quy mô dân số nước ta giảm dần.
- B- dân số nước ta có xu hướng già hóa.
- C- chất lượng cuộc sống đang được nâng cao.
- D- thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Câu 5. Vùng có mật độ dân số thấp nhất nước ta hiện nay là

- A- Đồng bằng sông Hồng.
- B- Tây Nguyên.
- C- Bắc Trung Bộ.
- D- Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 6. Nét đặc trưng của quá trình đổi mới kinh tế ở nước ta là

- A- đa dạng hóa sản phẩm.
- B- hiện đại hóa nền kinh tế.
- C- mở rộng hợp tác quốc tế.
- D- chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 7. Ở nước ta, cây trồng xanh tốt và sinh trưởng quanh năm được là nhờ có

- A- khí hậu khác nhau theo mùa.
- B- khí hậu phân hóa đa dạng.
- C- nguồn nhiệt, ẩm phong phú.
- D- vị trí ở vùng nội chí tuyến.

Câu 8. Loại cây công nghiệp nào sau đây được trồng nhiều nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A- Chè.
- B- Điều.
- C- Cao su.
- D- Cà phê.

Câu 9. Ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm ở nước ta phát triển mạnh chủ yếu dựa trên ưu thế về

- A- số dân đông và tăng nhanh. B- máy móc, thiết bị, hiện đại.
C- trình độ khoa học, kĩ thuật cao. D- nguồn nguyên liệu phong phú.

Câu 10. Thế mạnh công nghiệp nổi bật của tiểu vùng Đông Bắc ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A- cơ khí. B- thủy điện.
C- khai thác khoáng sản. D- chế biến lương thực thực phẩm.

Câu 11. Loại rừng có vai trò chính nhằm hạn chế tác hại của thiên tai, góp phần bảo vệ môi trường là

- A- rừng sản xuất. B- rừng phòng hộ.
C- rừng đặc dụng. D- rừng nguyên sinh.

Câu 12. Vùng kinh tế nào sau đây tiếp giáp với Cam-pu-chia và Lào?

- A- Tây Nguyên. B- Bắc Trung Bộ.
C- Đồng bằng sông Hồng. D- Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 13. Phương án nào sau đây đúng với thứ tự sắp xếp các bãi tắm nổi tiếng của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ theo chiều từ bắc vào nam?

- A- Non Nước, Quy Nhơn, Nha Trang, Mũi Né. B- Quy Nhơn, Nha Trang, Mũi Né, Non Nước.
C- Nha Trang, Mũi Né, Non Nước, Quy Nhơn.
D- Mũi Né, Nha Trang, Quy Nhơn, Non Nước.

Câu 14: Vùng nào sau đây có diện tích đất badan nhiều nhất nước ta?

- A- Trung du và miền núi Bắc Bộ. B- Bắc Trung Bộ.
C- Duyên hải Nam Trung Bộ. D- Tây Nguyên.

Câu 15: Hàng nhập khẩu chính của nước ta hiện nay là A- hàng tiêu dùng, nguyên liệu, nhiên liệu.

- B- nguyên liệu, nhiên liệu, hàng nông sản.
C- máy móc thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu.
D- máy móc thiết bị, lương thực, thực phẩm.

B/ TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Trình bày đặc điểm và những thuận lợi, khó khăn của điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đối với việc phát triển kinh tế - xã hội ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 2. (1,0 điểm) Bằng hiểu biết thực tế, em hãy cho biết vì sao nói: Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta?

Câu 3. (2,0 điểm) Cho bảng số liệu sau:

Tốc độ tăng trưởng đàn trâu, đàn lợn và đàn gia cầm của nước ta, giai đoạn 1995-2015 (Đơn vị: %)

Năm	1995	2000	2010	2015
Trâu	100,0	97,8	97,1	85,2
Lợn	100,0	123,8	167,9	170,2
Gia cầm	100,0	138,0	211,5	240,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản thống kê, 2016)

- a) Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng đàn trâu, đàn lợn và đàn gia cầm của nước ta, giai đoạn 1995-2015.
- b) Qua biểu đồ, hãy nêu nhận xét về tốc độ tăng trưởng đàn trâu, đàn lợn và đàn gia cầm của nước ta, giai đoạn 1995-2015.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

A/ TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án đúng	B	A	D	D	B	D	C	A

Câu	9	10	11	12	13	14	15
Đáp án đúng	D	C	B	A	A	D	C

Mỗi câu đúng: 0,33 điểm

B/ TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	Trình bày đặc điểm và những thuận lợi, khó khăn của điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đối với việc phát triển kinh tế - xã hội ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.	
	- Đặc điểm:	1,0
	+ Địa hình cao, cắt xẻ mạnh.	(Mỗi ý
	+ Khí hậu có mùa đông lạnh.	đúng
1	+ Nhiều loại khoáng sản. (0,25)	
(2,0	+ Trữ lượng thủy điện dồi dào.	
	- Thuận lợi: Tài nguyên thiên nhiên phong phú tạo điều kiện phát triển (0,5) kinh tế đa ngành.	
	- Khó khăn: địa hình bị chia cắt, thời tiết diễn biến thất thường, khoáng (0,5) sản có trữ lượng nhỏ và điều kiện khai thác phức tạp, xói mòn đất, sạt lở đất, lũ quét...	

(Nếu HS nêu không đầy đủ các ý trên nhưng có nêu được thuận lợi về vị trí địa lí thì GV chấm 0,25đ nhưng tổng điểm của phần thuận lợi không quá 2,0đ).

Bảng hiểu biết thực tế, em hãy cho biết vì sao nói: Thủy lợi là

1,0 biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta?

2- Chống úng, lụt trong mùa mưa bão. 0,25 (1,0 - Đảm bảo nước tưới trong mùa khô.
0,25 điểm

- Cải tạo đất, mở rộng diện tích canh tác. 0,25

- Các ý khác như: Tăng vụ, thay đổi cơ cấu vụ mùa và cơ cấu cây trồng hoặc tạo được năng suất cây trồng cao và tăng sản lượng cây 0,25 trồng,....

3 a) Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng đàn trâu, đàn lợn 1,5 (2,0 và đàn gia cầm của nước ta, giai đoạn 1995-2015. điểm

Yêu cầu:

- Vẽ 3 đường.
- Đúng về số liệu và khoảng cách năm.
- Có tên biểu đồ.

<ul style="list-style-type: none"> - Có kí hiệu, chú giải. - Tính thẩm mỹ. <p>(Nếu không đủ, đúng các yêu cầu trên thì trừ 0,25 điểm/ý)</p>	
<p>b) Qua biểu đồ, hãy nêu nhận xét về tốc độ tăng trưởng đàn trâu, đàn lợn và đàn gia cầm của nước ta, giai đoạn 1995-2015.</p>	0,5
<ul style="list-style-type: none"> - Đàn trâu có tốc độ tăng trưởng giảm. - Đàn lợn và gia cầm có tốc độ tăng trưởng nhanh. - Đàn gia cầm có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất. <p>(Nếu HS nêu 1 ý: 0,25đ, nêu được 2-3 ý: 0,5đ)</p>	

* Học sinh có thể diễn đạt theo các cách khác nhau nhưng có ý đúng thì chấm theo điểm tối đa của mỗi ý

.----- HẾT -----

10. Đề thi HK1 môn Địa lý số 10

<p>ĐỀ 10</p> <p>TRƯỜNG THCS HOÀNG DIỆU</p>	<p>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I</p> <p>Môn ĐỊA LÝ LỚP 9</p> <p>Thời gian: 45 phút</p>
----------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------

A/ TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)

Chọn ý trả lời đúng nhất trong các câu sau và ghi vào giấy làm bài (Ví dụ: Nếu câu 1 chọn ý đúng nhất là ý A thì ghi ở giấy làm bài là 1- A, ...).

Câu 1: Việt Nam hiện có:

- A- 52 dân tộc.
- B- 53 dân tộc.
- C- 54 dân tộc.
- D- 55 dân tộc.

Câu 2: Dân cư ở nước ta phân bố thưa thớt ở:

- A. Khu vực đồng bằng.
- B. Khu vực miền núi.
- C- Khu vực ven biển.
- D- Khu vực miền núi và ven biển.

Câu 3: Vấn đề gây khó khăn cho việc sử dụng lao động ở nước hiện nay là:

- A- Người lao động chủ yếu có kinh nghiệm trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.
- B- Người lao động ít có khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật.
- C- Người lao động hạn chế về thể lực và ý thức kỉ luật lao động.
- D- Người lao động còn hạn chế về thể lực và trình độ chuyên môn.

Câu 4: Các vùng trọng điểm lúa lớn nhất ở nước ta là:

- A- Đồng bằng sông Hồng, Duyên hải miền Trung.
- B- Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.
- C- Đồng bằng sông Cửu Long, Duyên hải miền Trung.
- D- Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long, Duyên hải miền Trung.

Câu 5: Trên lãnh thổ rộng 54.640 km² của Tây Nguyên, năm 2015 vùng có 2.562 nghìn hecta rừng thì tỉ lệ che phủ rừng của Tây Nguyên là:

- A- 2,13%.
- B- 4,68%.
- C- 21,32%.
- D- 46,88%.

Câu 6: Khoáng sản nhiên liệu (than, dầu, khí) là cơ sở chủ yếu để phát triển ngành công nghiệp:

- A- Hoá chất.
- B- Luyện kim.
- C- Năng lượng, hoá chất.
- D- Sản xuất vật liệu xây dựng.

Câu 7: Tuyến đường sắt quan trọng nhất nước ta là:

- A- Hà Nội - Lào Cai.
- B- Hà Nội - Hải Phòng.
- C- Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai.
- D- Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh.

**Câu 8: Các địa điểm du lịch nổi tiếng ở nước ta đã c
hoá thế giới là:**

Trang 1/2 - MÃ ĐỀ A 30

- A- Di tích Mỹ Sơn, Phố cổ Hội An.
- B- Vịnh Hạ Long, Phong Nha - Kẻ Bàng.
- C- Vịnh Hạ Long, Cố đô Huế.
- D- Phong Nha - Kẻ Bàng, Cố đô Huế.

Câu 9: Vùng kinh tế duy nhất của nước ta không giáp biển là vùng:

- A- Đồng bằng sông Hồng.
- B- Bắc Trung Bộ.
- C- Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D- Tây Nguyên.

**Câu 10: Từ tây sang đông các tỉnh đều có: núi, gò đồi, đồng bằng, biển là đặc
điểm địa hình giống nhau của hai vùng:**

- A- Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng.
- B- Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ.
- C- Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D- Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

B/ TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Câu 1: (2,5 điểm) Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Đồng bằng sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế - xã hội ?

Câu 2: (2,5 điểm)

Cho bảng số liệu sau đây:

Cơ cấu GDP của nước ta thời kì 1991 - 2010 (%)

Năm	Cơ cấu GDP của nước ta thời kì 1991 - 2010 (%)			
	1991	1996	2001	2010
Khu vực kinh tế				
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	40,5	27,8	23,3	19,0

Công nghiệp - xây dựng	23,8	29,7	38,1	38,2
Dịch vụ	35,7	42,5	38,6	42,8

a) Hãy vẽ biểu đồ miền thể hiện cơ cấu GDP của nước ta thời kì 1991 - 2010.

b) Qua biểu đồ, hãy nêu nhận xét về sự thay đổi tỉ trọng của các khu vực kinh tế trong cơ cấu GDP của nước ta thời kì 1991 - 2010. Sự thay đổi này phản ánh điều gì?

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

A/ TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án đúng	C	B	D	B	D	C	D	A	D	C

Mỗi câu đúng: 0,5 điểm

B/ TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1 (2,5 điểm)		Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Đồng bằng sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế - xã hội ?	
		* Thuận lợi:	2,0
		- Đất phù sa màu mỡ, thích hợp với thâm canh lúa nước.	0,5
		- Điều kiện khí hậu và thủy văn thuận lợi cho việc thâm canh tăng vụ trong sản xuất nông nghiệp. (Nếu chỉ nêu được 1 trong 2 điều kiện: khí hậu hoặc thủy văn: 0,25 điểm)	0,5
		- Thời tiết mùa đông phù hợp với một số cây trồng ưa lạnh.	0,25
		- Một số khoáng sản có giá trị đáng kể (đá vôi, sét cao lanh, than nâu, khí tự nhiên)	0,25
		- Vùng ven biển và biển thuận lợi cho nuôi trồng, đánh bắt thủy sản.	0,25
		- Tài nguyên du lịch: có các bãi tắm, vườn quốc gia, hang động, ... (Nếu HS nêu không đầy đủ các ý trên nhưng có nêu được thuận lợi về vị trí địa lí, địa hình thì GV chấm mỗi ý 0,25đ nhưng tổng điểm của phần thuận lợi không quá 2,0đ).	0,25
	* Khó khăn:	0,5	

	- Thường có thiên tai: bão, lũ lụt, thời tiết thất thường.	0,25
	- Ít tài nguyên khoáng sản.	0,25
2 (2,5 điểm)	a) Hãy vẽ biểu đồ miền thể hiện cơ cấu GDP của nước ta thời kì 1991 - 2010.	1,5
	* Yêu cầu: - Đúng về tỉ lệ cơ cấu và khoảng cách năm. - Có tên biểu đồ. - Có kí hiệu, chú giải. - Tính thẩm mỹ. <i>(Nếu không đủ, đúng các yêu cầu trên thì trừ 0,25 điểm/ ý)</i>	
	b) Qua biểu đồ, hãy nêu nhận xét về sự thay đổi tỉ trọng của các khu vực kinh tế trong cơ cấu GDP của nước ta thời kì 1991 - 2010. Sự thay đổi này phản ánh điều gì ?	1,0
	* Nhận xét: - Tỉ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản liên tục giảm - Tỉ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng liên tục tăng - Tỉ trọng khu vực dịch vụ cao và có biến động <i>(Nếu HS nêu 1 ý: 0,25đ, nêu được 2-3 ý: 0,5đ)</i>	0,5
	* Sự thay đổi này phản ánh quá trình công nghiệp hóa ... (hoặc: nước ta đang chuyển dần từ nước nông nghiệp sang nước công nghiệp, ...)	0,5

* Học sinh có thể diễn đạt theo các cách khác nhau nhưng có ý đúng thì chấm theo điểm tối đa của mỗi ý.

-- HẾT--